

Bộ Tư pháp

Số: 356b/2002/QĐ-BT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - tự do - hạnh phúc

-----***-----

Hà nội, ngày 05 tháng 8 năm 2002

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP
Về việc ban hành Quy tắc mẫu về đạo đức nghề nghiệp luật sư

BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP

- Căn cứ Pháp lệnh luật sư năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 94/2001/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2001 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh luật sư;
- Căn cứ Nghị định số 38/CP ngày 4 tháng 6 năm 1993 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Bộ Tư pháp;
- Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ quản lý luật sư, tư vấn pháp luật,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy tắc mẫu về đạo đức nghề nghiệp luật sư.

Căn cứ vào Quy tắc mẫu này, Đoàn luật sư các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành Quy tắc đạo đức nghề nghiệp luật sư áp dụng đối với luật sư của Đoàn mình.

Điều 2. Luật sư có nghĩa vụ tuân theo các quy tắc đạo đức nghề nghiệp luật sư trong hành nghề; nếu vi phạm thì tùy theo tính chất, mức độ sẽ bị xử lý kỷ luật theo các hình thức mà Điều lệ Đoàn luật sư quy định.

Điều 3. Đoàn luật sư có nhiệm vụ giáo dục, bồi dưỡng đạo đức nghề nghiệp cho luật sư; giám sát, kiểm tra luật sư nhằm bảo đảm việc tuân theo các quy tắc đạo đức nghề nghiệp luật sư trong Đoàn; kịp thời biểu dương gương người tốt, việc tốt trong hoạt động luật sư; xử lý kỷ luật nghiêm minh đối với những luật sư vi phạm quy tắc đạo đức nghề nghiệp luật sư.


Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Vụ trưởng Vụ quan lý luật sư, tư vấn pháp luật có trách nhiệm hướng
dẫn và kiểm tra việc thi hành Quyết định này

BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP

Nơi nhận

- Các Đoàn luật sư;
- Ban Nội chính trung ương Đảng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để báo cáo);
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Các Sở Tư pháp;
- Văn phòng II Bộ Tư pháp
- Lưu VP, Vụ LS-TVPL.


Nguyễn Đình Lộc

BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

QUY TẮC MẪU VỀ ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP LUẬT SƯ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 356b/2002/QĐ-BT ngày 05 tháng 8 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

LỜI NÓI ĐẦU

Chức năng xã hội cao cả của luật sư là tham gia bảo vệ công lý, góp phần bảo đảm công bằng xã hội, bảo vệ các quyền tự do, dân chủ của công dân, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức, bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa thông qua việc tham gia tố tụng, thực hiện tư vấn pháp luật và các dịch vụ pháp lý khác.

Để hoàn thành chức năng xã hội cao cả đó, luật sư không những phải là người tự mình nêu gương trong việc tôn trọng, chấp hành pháp luật, mà còn cổ động phân tử giác chấp hành các quy tắc đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động hành nghề và giao tiếp xã hội.

Quy tắc đạo đức nghề nghiệp quy định những chuẩn mực đạo đức và ứng xử nghề nghiệp của luật sư trong hành nghề và trong lối sống, là thước đo phẩm chất đạo đức của luật sư. Mỗi luật sư phải lấy đây làm chuẩn mực cho sự tu dưỡng, rèn luyện, qua đó giữ gìn uy tín nghề nghiệp, thanh danh của luật sư, xứng đáng với sự tôn trọng và tin cậy của xã hội.

Chương I - YÊU CẦU CHUNG VỀ ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP LUẬT SƯ

Quy tắc 1. Giữ gìn phẩm giá và uy tín nghề nghiệp

Luật sư luôn giữ gìn phẩm giá và uy tín nghề nghiệp; không ngừng trau dồi đạo đức, nâng cao trình độ chuyên môn để hoàn thành tốt chức năng nghề nghiệp của luật sư, tôn vinh nghề nghiệp luật sư.

Quy tắc 2. Độc lập, trung thực và khách quan

Luật sư độc lập, trung thực và tận tụy trong hành nghề; không vì bất kỳ lợi ích vật chất, tình thân hoặc áp lực nào khác mà làm sai lệch sự thật, trái pháp luật trong hoạt động nghề nghiệp.

Quy tắc 3. Văn hoá ứng xử trong hành nghề và lối sống

Luật sư ứng xử đúng mực, có văn hoá trong hành nghề và trong lối sống để luôn tạo được sự tin cậy và tôn trọng của xã hội đối với luật sư và nghề luật sư.

Quy tắc 4. Nghĩa vụ thực hiện trợ giúp pháp lý

1. Nghĩa vụ cao cả của luật sư là tham gia thực hiện trợ giúp pháp lý miễn phí cho người nghèo và đối tượng chính sách.

2. Luật sư tận tâm, tích cực thực hiện yêu cầu trợ giúp pháp lý như đối với các vụ việc có thù lao.

Chương II - QUAN HỆ VỚI KHÁCH HÀNG

Quy tắc 5. Nhận và thực hiện vụ việc

1. Luật sư tôn trọng sự lựa chọn luật sư của khách hàng: chỉ nhận vụ việc theo khả năng của mình và thực hiện vụ việc trong phạm vi yêu cầu của khách hàng.

2. Khi nhận vụ việc, luật sư thông báo cho khách hàng về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm nghề nghiệp của luật sư trong việc thực hiện dịch vụ pháp lý cho khách hàng.

3. Luật sư có trách nhiệm bảo vệ tốt nhất lợi ích của khách hàng trong khuôn khổ pháp luật và đạo đức nghề nghiệp.

4. Luật sư không chuyển giao vụ việc mà mình đã đảm nhận cho luật sư khác làm thay, trừ trường hợp được khách hàng đồng ý hoặc trường hợp bất khả kháng.

5. Luật sư tích cực, khẩn trương giải quyết vụ việc của khách hàng và thông báo về tiến trình công việc để khách hàng có quyết định kịp thời.

6. Trong khi cung cấp dịch vụ pháp lý cho khách hàng, luật sư không chạy theo lợi ích vật chất, xem đó như là mục tiêu duy nhất của hành nghề luật sư.

7. Luật sư không từ chối thực hiện vụ việc đã đảm nhận, trừ những trường hợp mâu thuẫn về quyền lợi được quy định tại Quy tắc 6 và trường hợp bất khả kháng.

Quy tắc 6. Ứng xử của luật sư trong trường hợp có mâu thuẫn về quyền lợi giữa các khách hàng

1. Luật sư không nhận cung cấp dịch vụ pháp lý cho hai hoặc nhiều khách hàng trong cùng một vụ việc, khi quyền lợi của các khách hàng đó đối lập nhau.

2. Luật sư không nhận cung cấp dịch vụ pháp lý cho khách hàng nếu những người thân thích của luật sư đang thực hiện cung cấp dịch vụ pháp lý cho khách hàng khác có quyền lợi đối lập với khách hàng của luật sư, trừ trường hợp được các khách hàng đồng ý.

Quy tắc 7. Từ chối cung cấp dịch vụ pháp lý

Luật sư từ chối cung cấp dịch vụ pháp lý nếu yêu cầu của khách hàng không có căn cứ, hoặc vi phạm pháp luật, hoặc trái đạo đức xã hội.

Quy tắc 8. Đơn phương chấm dứt thực hiện dịch vụ pháp lý

1. Luật sư đơn phương chấm dứt thực hiện dịch vụ pháp lý đang đàm nhận khi có cơ sở tin rằng khách hàng sử dụng dịch vụ pháp lý của luật sư để thực hiện hành vi trái pháp luật, vi phạm nghiêm trọng đạo đức xã hội.

2. Khi đơn phương chấm dứt thực hiện dịch vụ pháp lý, luật sư thông báo cho khách hàng trong một thời hạn hợp lý để khách hàng có thể tìm luật sư khác thực hiện dịch vụ pháp lý cho mình, đồng thời giải quyết nhanh chóng các vấn đề liên quan đến việc chấm dứt thực hiện dịch vụ pháp lý đã đàm nhận.

Quy tắc 9. Bí mật thông tin

1. Luật sư không tiết lộ thông tin về vụ việc, về khách hàng khi không được khách hàng đồng ý.

2. Luật sư có trách nhiệm bảo đảm các nhân viên của mình cũng không tiết lộ thông tin về vụ việc, về khách hàng của mình.

Quy tắc 10. Những việc luật sư không được làm

1. Luật sư không tham gia các hoạt động kinh doanh mà có thể ảnh hưởng đến uy tín và thanh danh của nghề luật sư.

2. Luật sư không thực hiện các hoạt động kinh doanh cùng với khách hàng trong khi hành nghề; không sử dụng tiền, tài sản của khách hàng trong khi hành nghề.

3. Luật sư không soạn thảo hợp đồng tặng cho tài sản của khách hàng cho chính luật sư hoặc cho những người thân thích của luật sư.

4. Luật sư không nhận tiền hoặc bất kỳ lợi ích vật chất nào khác từ người khác để thực hiện hoặc không thực hiện vụ việc, nếu việc đó có thể gây thiệt hại đến lợi ích của khách hàng.

5. Luật sư không sử dụng thông tin biết được từ vụ việc mà luật sư đàm nhận để mưu cầu lợi ích cá nhân.

6. Luật sư không thuê người mới giới công việc cho mình

7. Luật sư không hứa hẹn trước kết quả vụ việc nhằm mục đích lôi kéo khách hàng hoặc tăng mức thù lao.

8. Luật sư không đòi hỏi từ khách hàng hoặc người có quyền, lợi ích liên quan với khách hàng bất kỳ khoản chi thêm hoặc tặng vật nào ngoài khoản thù lao đã thỏa thuận với khách hàng.

9. Khi thực hiện trợ giúp pháp lý theo yêu cầu của tổ chức trợ giúp pháp lý, luật sư không nhận từ đối tượng được trợ giúp pháp lý bất kỳ khoản tiền hoặc lợi ích vật chất nào.

Chương III - QUAN HỆ CỦA LUẬT SƯ VỚI CƠ QUAN TIẾN HÀNH TỔ TỤNG VÀ CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC KHÁC

Quy tắc 11. Ứng xử của luật sư trong quan hệ với cơ quan tiến hành tố tụng và các cơ quan nhà nước khác

Luật sư nghiêm chỉnh chấp hành nội quy và các quy định có liên quan trong quan hệ với các cơ quan tiến hành tố tụng, các cơ quan nhà nước khác; có thái độ lịch sự, tôn trọng những người tiến hành tố tụng và công chức nhà nước khác mà luật sư tiếp xúc khi hành nghề.

Quy tắc 12. Những việc luật sư không được làm trong quan hệ với cơ quan tiến hành tố tụng và các cơ quan nhà nước khác

1. Luật sư không móc nối hoặc trực tiếp quan hệ với người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng, công chức nhà nước khác nhằm mục đích lôi kéo họ vào việc làm trái quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc.

2. Luật sư không cung cấp thông tin, chứng cứ mà luật sư nghi ngờ là sai sự thật.

3. Luật sư không tự mình hoặc giúp khách hàng thực hiện những thủ đoạn bất hợp pháp nhằm trì hoãn hoặc kéo dài việc giải quyết vụ việc.

4. Luật sư không phát biểu trên phương tiện thông tin đại chúng hoặc nơi công cộng nhằm gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng hoặc cơ quan nhà nước khác.

Chương IV - QUAN HỆ ĐỒNG NGHIỆP

Quy tắc 13. Tôn trọng và hợp tác với đồng nghiệp

1. Luật sư có thái độ thân ái và tôn trọng đồng nghiệp. Việc góp ý, phê bình đồng nghiệp được thực hiện một cách khách quan, đúng nơi, đúng lúc và trên tinh thần xây dựng.

2. Luật sư có ý thức hợp tác và giúp đỡ đồng nghiệp trong hành nghề cũng như trong cuộc sống.

Quy tắc 14. Những việc luật sư không làm trong quan hệ với đồng nghiệp

1. Luật sư không xúc phạm hoặc hạ thấp uy tín của đồng nghiệp.
2. Luật sư không có hành vi gây áp lực, đe dọa hoặc sử dụng các thủ đoạn xấu khác đối với đồng nghiệp để giành lợi thế cho mình trong hành nghề.
3. Luật sư không thông đồng với luật sư của khách hàng khác có quyền lợi đối lập với khách hàng của luật sư để cùng mưu cầu lợi ích cá nhân bất chính.